

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊN PHƯỚC
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 03-6-2021

V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN PHƯỚC, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trình Minh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Khánh.

2. Bà Võ Thị Trà Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Kim Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Yến Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 26/2021/TLST-HNGĐ ngày 29/03/2021 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 05 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm: 1975.

- Bị đơn: Ông Phan Bửu T, sinh năm: 1965.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 4, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Chỗ ở hiện nay: Số 551/2 Trần Cao Vân, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Bà P có mặt; ông T có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim P thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim P và ông Phan Bửu T tự nguyện tìm hiểu, xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam vào năm 1993. Cuộc sống chung giữa bà và ông T không hạnh phúc ngay từ những năm đầu chung sống, quan điểm sống, tính tình không hợp, phát sinh nhiều mâu thuẫn, hơn sáu tháng nay vợ chồng sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Hiện nay, bà nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Các con đều trên 18 tuổi nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo của bị đơn ông Phan Bửu T thể hiện:

Ông T thống nhất về việc xác lập quan hệ hôn nhân giữa ông và bà P. Bà P đơn phương xin ly hôn, ông xét thấy bản chất xin ly hôn của bà P là muốn được tự do, không còn ràng buộc bởi những mối lo âu của gia đình, bản thân ông cũng đã lớn tuổi và bị bệnh thoái hóa đa khớp nên không còn tháo vát như xưa. Hiện tại, ông vẫn còn tình cảm với bà P nên ông mong muốn đoàn tụ để cùng chung sống, chăm sóc lẫn nhau.

Về con chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà P ly hôn với ông Phan Bửu T; về con chung và về tài sản chung nợ chung bà P, ông T không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Phan Bửu T có yêu cầu xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Việc xác lập quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kim P và ông Phan Bửu T dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam vào năm 1993 nên hôn nhân giữa bà P và ông T là hợp pháp. Sau một thời gian sống chung, cuộc sống vợ chồng ông bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà P là do cuộc sống chung giữa bà và ông T không hạnh phúc ngay từ những năm đầu, do vợ chồng tính tình, quan điểm sống không hợp nhau, không có tiếng nói chung, ông T không quan tâm chăm sóc vợ, con, nhiều lúc còn xúc phạm đến vợ nên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hiện nay, bà nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Theo các lời khai của ông T, bản chất xin ly hôn của bà P là muốn được tự do, không còn ràng buộc bởi những mối lo âu của gia đình, bản thân ông cũng đã lớn tuổi còn bị bệnh thoái hóa đa khớp, mất ngủ nên ông xin hòa giải giúp cho vợ chồng ông đoàn tụ để cùng chung sống chăm sóc lẫn nhau.

Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án Thẩm phán đã nhiều lần tổ chức hòa giải nhưng ông T không đến tham gia hòa giải. Theo yêu cầu của ông T, Tòa án đã phân tích, vận động bà P rút đơn để vợ chồng đoàn tụ chăm sóc lẫn nhau nhưng bà P kiên quyết xin được ly hôn. Mặt khác, tại bản tự khai (BL18) ông T có trình bày “Tôi có khuyên, con cái cũng xin khuyên bảo vợ tôi đừng ly hôn nhưng một mực quyết ly hôn”, “Hiện tại chúng tôi vẫn tôn trọng nhau, đã ly thân rồi”, “Nếu vì sự tự do và hạnh phúc cho cô ấy tôi đành phải miễn cưỡng chấp nhận sự ly hôn...”. Ông T xin Hội đồng xét xử khuyên giải để vợ chồng ông được đoàn tụ. Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bà P vẫn kiên quyết yêu cầu được ly hôn với ông T nên không yêu cầu Tòa án tiến hành hòa giải. Bà P cho rằng nguyên nhân ly hôn không phải do ông T bị bệnh, ông T có uống thuốc rối loạn tiền đình và thoái hóa đốt sống cổ nhưng ông T vẫn sinh hoạt, đi lại thể dục, cà phê, ngủ nghỉ bình thường, hơn sáu tháng nay vợ chồng sống ly thân, bà không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ ông T, cùng chia sẻ công việc trong gia đình, mâu thuẫn giữa bà P và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà P là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Các con đã trưởng thành, bà P và ông T không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà P và ông T không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4]. Về án phí: Bà P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016./UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

[2.5]. Từ những nhận định nêu trên, xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim P đối với ông Phan Bửu T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim P ly hôn với ông Phan Bửu T.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim P phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004830 lập ngày 29/03/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Phước. Bà P đã nộp đủ tiền án phí.

Bà Nguyễn Thị Kim P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 03/6/2021), ông Phan Bửu T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Tiên Phước;
- Chi cục T.H.A huyện Tiên Phước;
- UBND xã Tiên An;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trình Minh Hùng